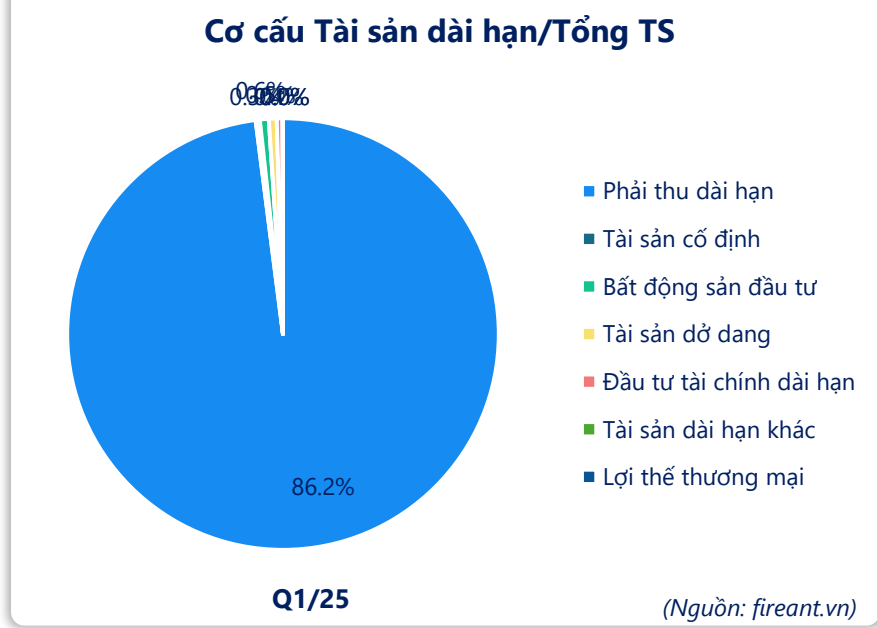
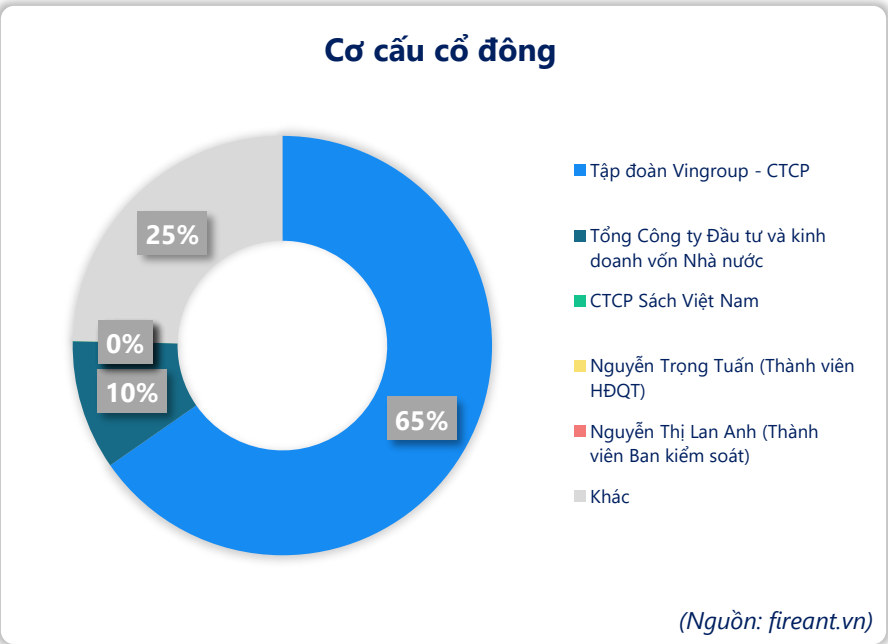
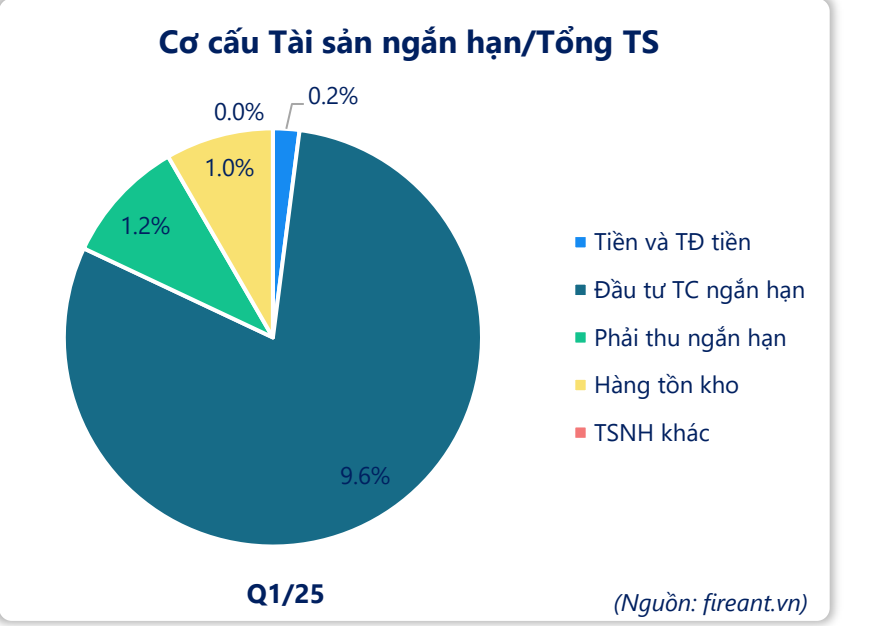
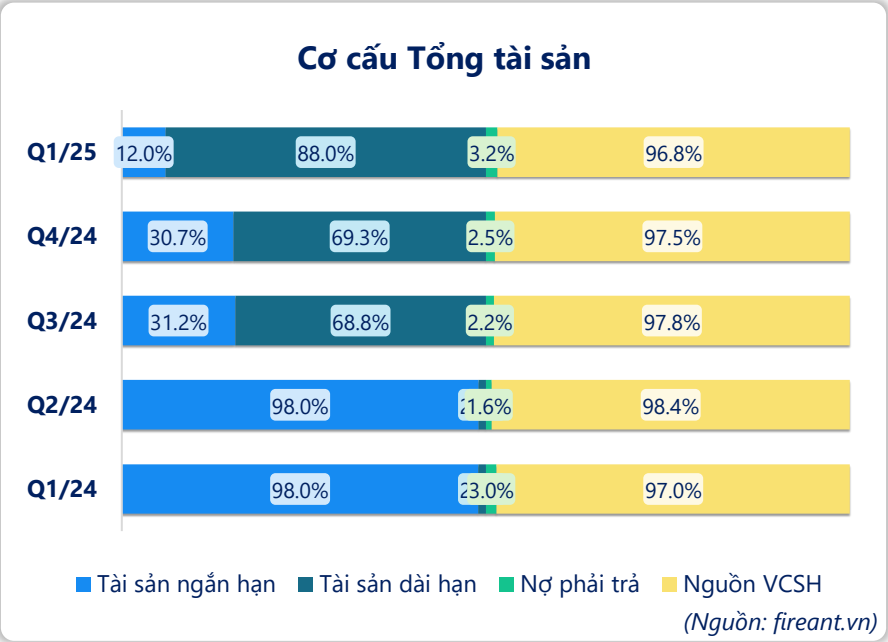
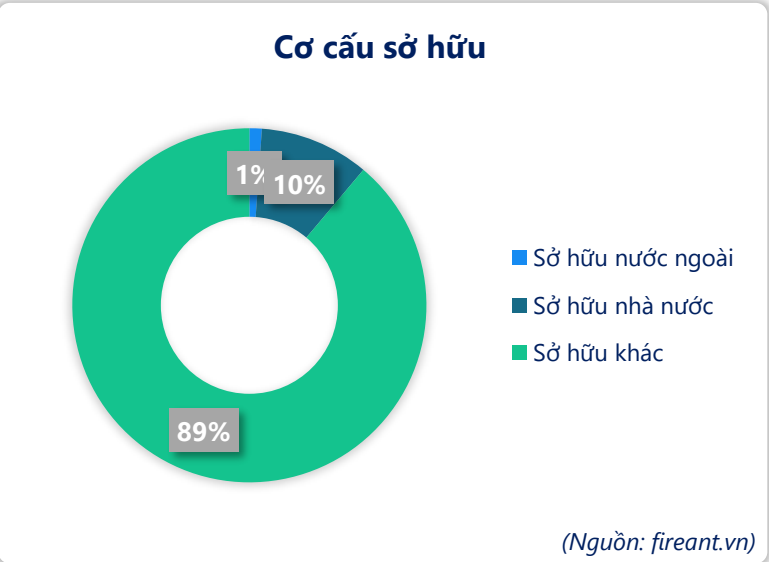
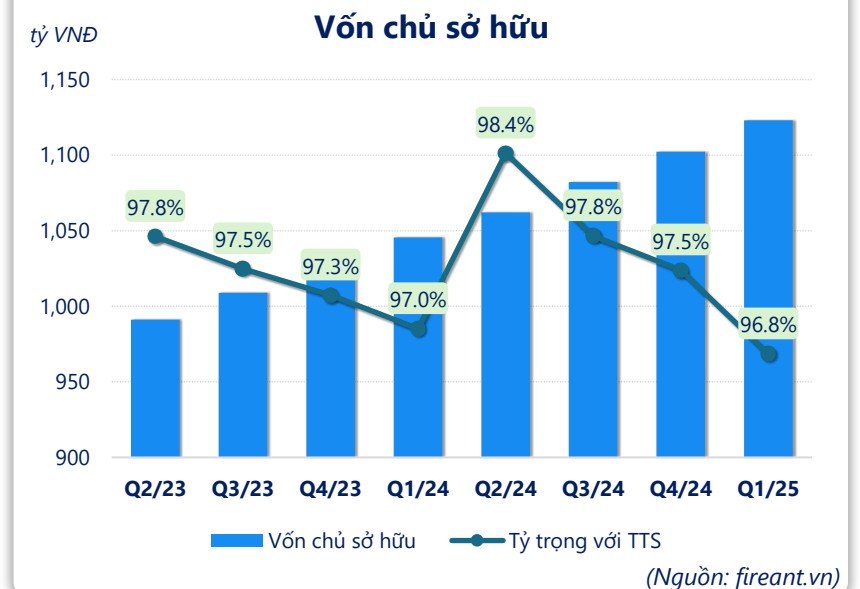
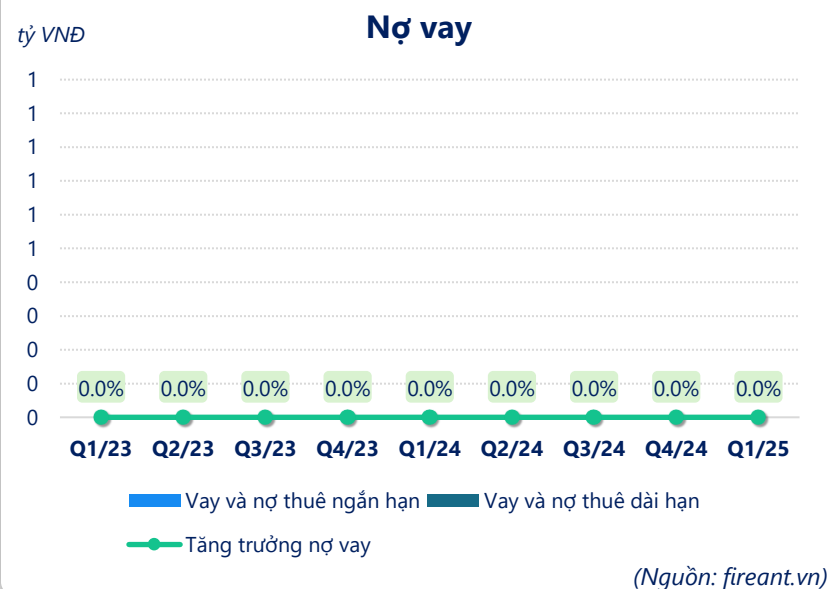
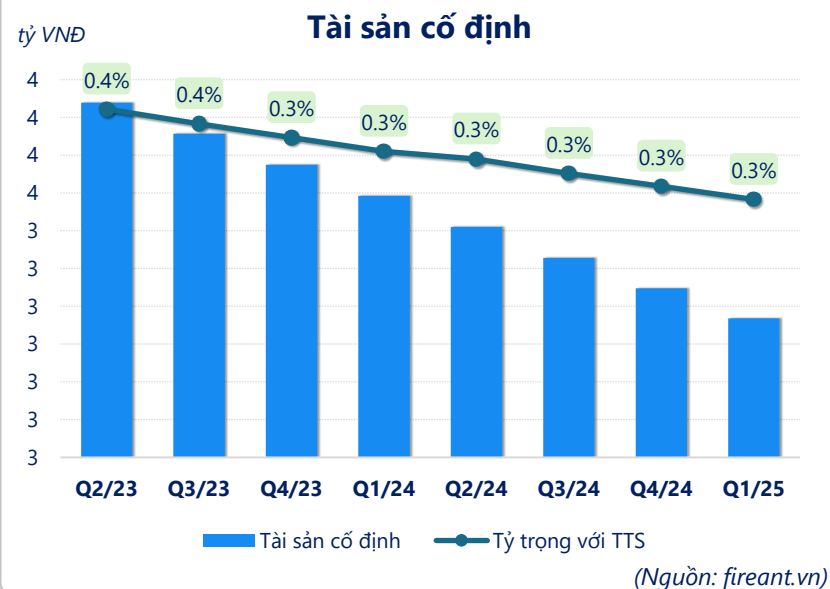
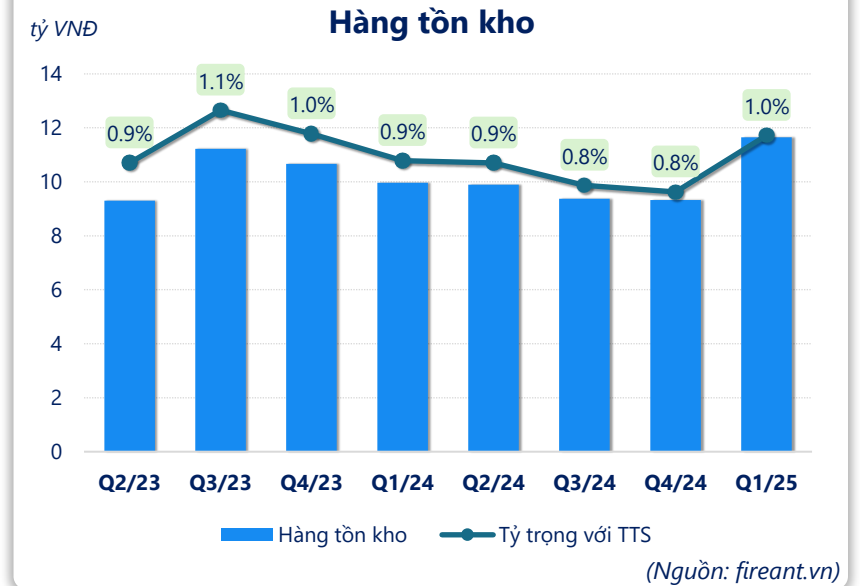
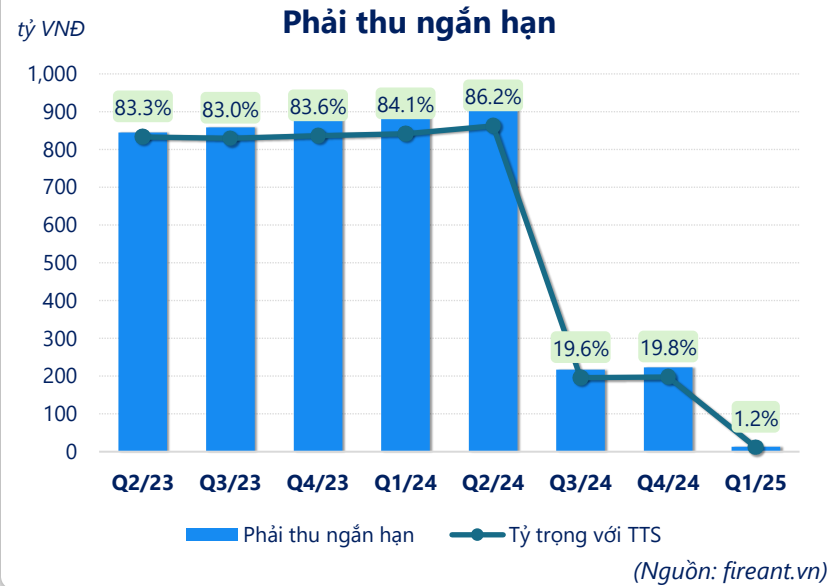
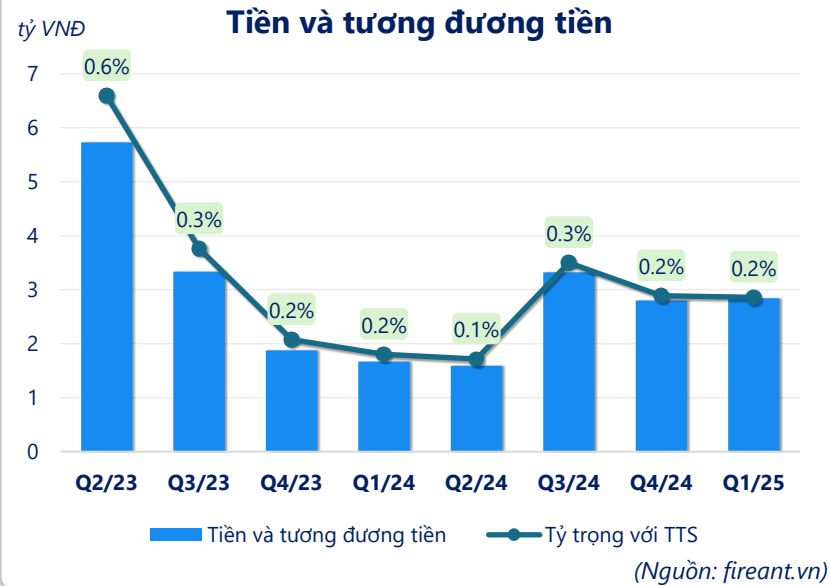
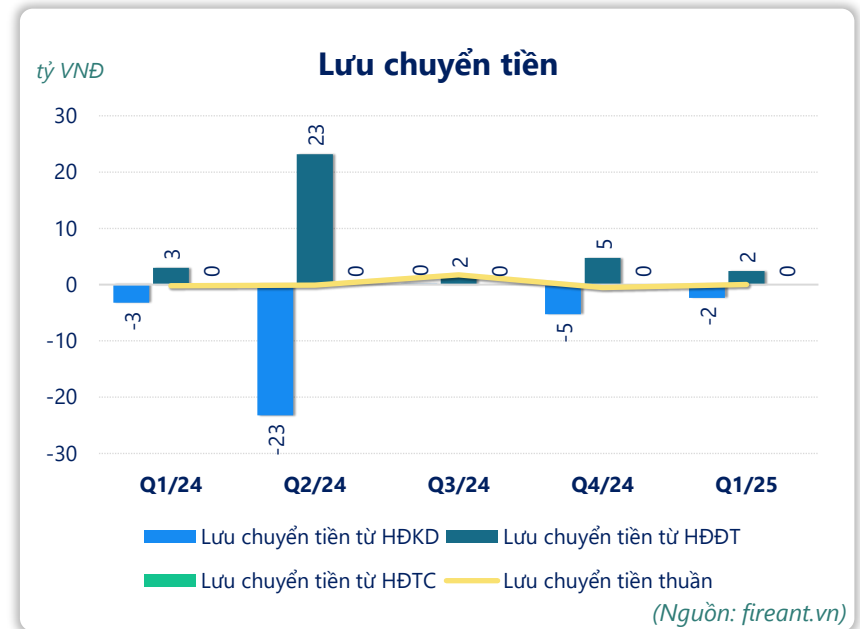
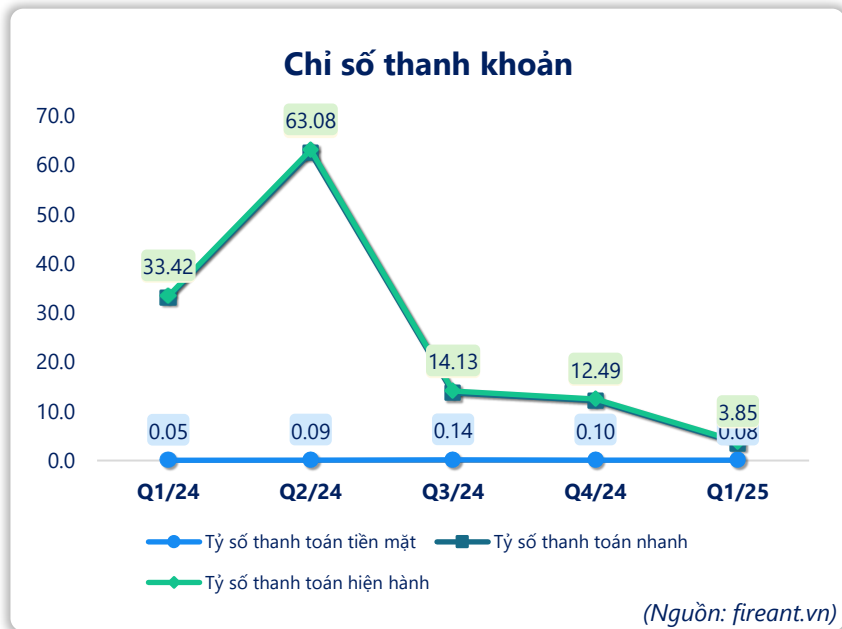
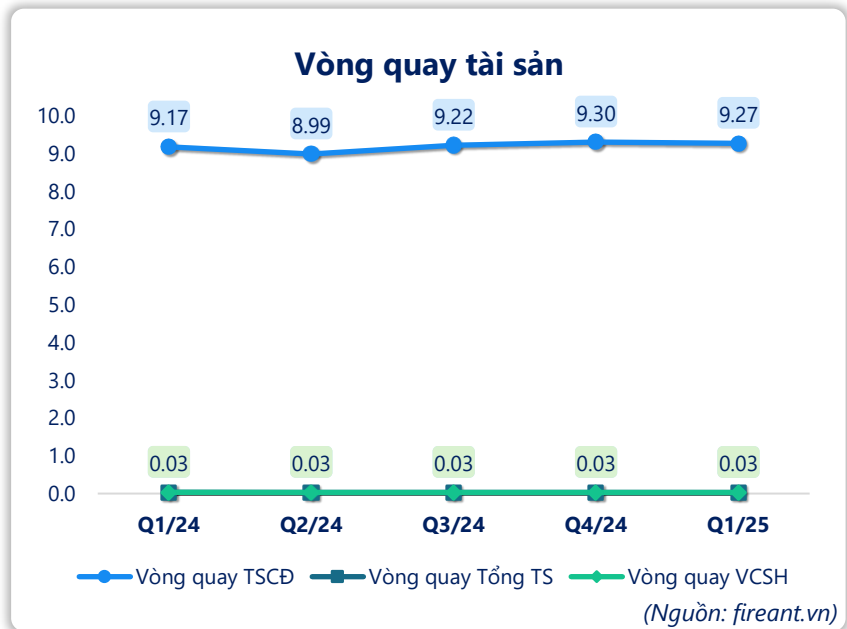
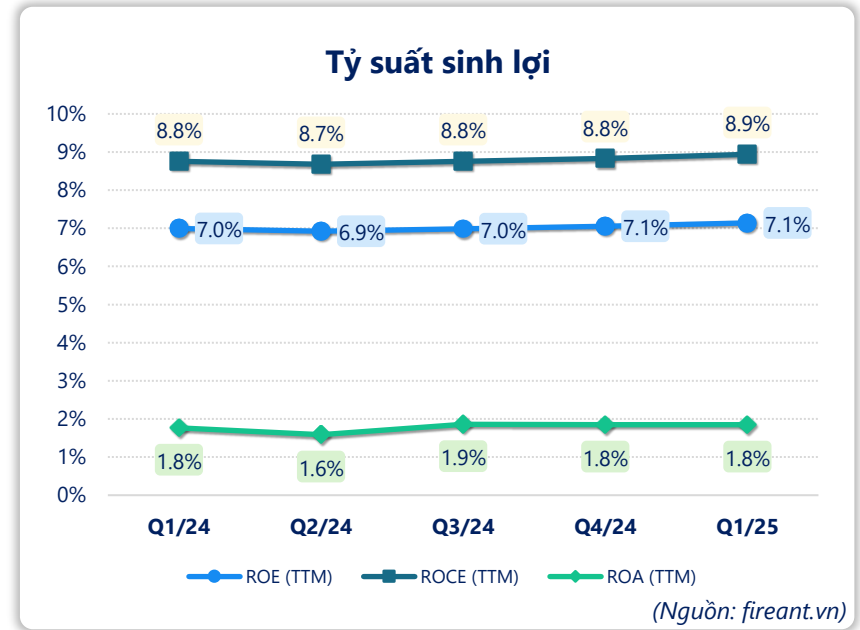
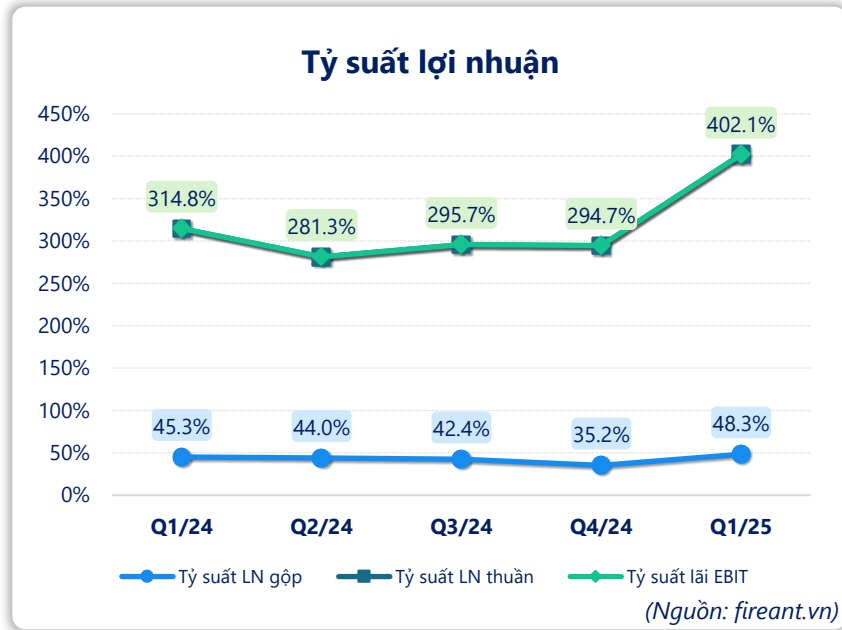
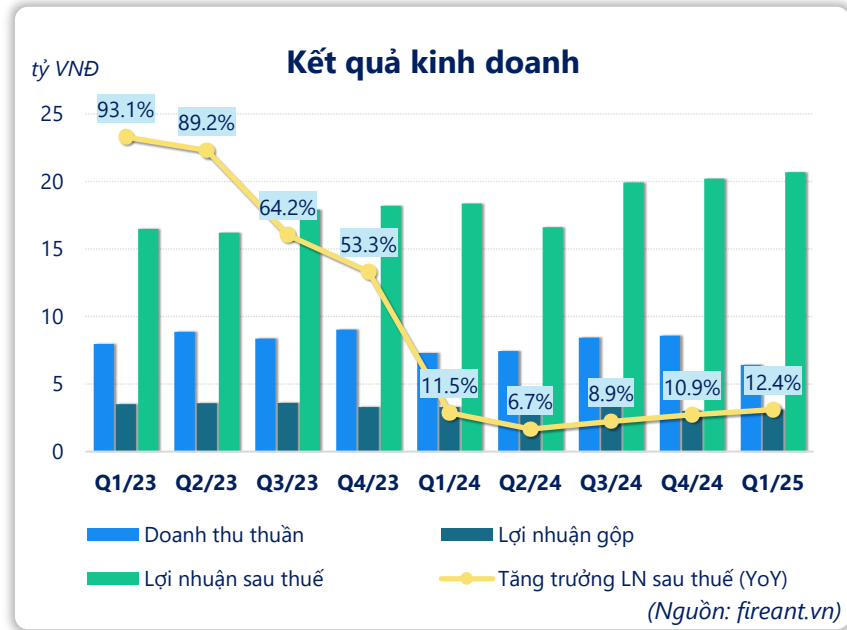


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,700
SL cổ phiếu LH		67,894,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)		205,400
% sở hữu nước ngoài		1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		937
P/E		12.1
EPS		1,140

	YTD	1T	3T	6T
VNB	24.3%	7.8%	20.0%	25.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,160	1,131	2.6%
Tài sản ngắn hạn	139	138	1.0%
Tiền và tương đương tiền	2.84	2.80	1.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	112	112	0.0%
Phải thu ngắn hạn	13.4	14.4	-6.6%
Hàng tồn kho	11.6	9.33	24.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	1,020	993	2.8%
Phải thu dài hạn	1,000	972	2.9%
Tài sản cố định	3.17	3.25	-2.5%
Bất động sản đầu tư	6.78	6.95	-2.5%
Tài sản dở dang	6.00	6.00	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.32	4.32	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.40	0.43	-6.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	36.9	28.4	29.8%
Nợ ngắn hạn	36.2	27.8	30.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.09	5.80	22.3%
Nợ dài hạn	0.62	0.60	2.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,123	1,102	1.9%
Vốn chủ sở hữu	1,123	1,102	1.9%
Vốn điều lệ	679	679	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	7.30	7.44	8.43	8.57	6.43
Giá vốn hàng bán	3.99	4.17	4.86	5.55	3.32
Lợi nhuận gộp	3.30	3.28	3.57	3.02	3.11
Doanh thu HĐTC	25.8	25.4	27.7	29.9	29.1
Chi phí TC	0.03	0.00	0.00	0.00	0.01
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.31	1.64	1.32	1.85	1.34
Chi phí QLDN	4.88	6.12	5.06	5.84	5.01
LN thuần từ HĐKD	22.9	20.9	24.9	25.2	25.9
Lợi nhuận khác	0.04	0.01	0.03	0.03	0.01
LN trước thuế	23.0	20.9	24.9	25.2	25.9
Lợi nhuận sau thuế	18.4	16.6	19.9	20.2	20.7
LNST của CĐ cty mẹ	18.4	16.6	19.9	20.2	20.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.22	-23.3	0.13	-5.25	-2.38
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.01	23.2	1.61	4.72	2.42
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	1.88	1.67	1.59	3.32	2.80
Lưu chuyển tiền thuần	-0.21	-0.08	1.73	-0.52	0.05
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.67	1.59	3.32	2.80	2.84

(Nguồn: fireant.vn)